

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/DS - ST
Ngày 20 tháng 11 năm 2018
“V/v: Tranh chấp kiện đòi tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Công Sinh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tạ Văn Đức

2. Bà Nguyễn Thị Huân.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Duẩn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Lạc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 62/2018/TLST - DS ngày 16 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp kiện đòi tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2018/QĐXXST - DS ngày 01 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1953 (vắng mặt).

Đại diện theo uỷ quyền của bà C: Anh Doãn Văn L, sinh năm 1977 (có mặt).

Cùng trú tại: Thôn C, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1959 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn L1, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/8/2018, những lời khai tiếp theo và tại phiên tòa đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn anh Doãn Văn L trình bày:

Ngày 31/10/2011 (tức là ngày 05/10 âm lịch) bà Nguyễn Thị C cho bà Nguyễn Thị H vay 150.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận 3%/tháng, tương đương 150.000 đồng/ngày. Thời hạn cho vay là 01 tháng, đến hạn trả nợ gia hạn thêm một tháng. Khi vay tiền bà H có viết giấy vay tiền kiêm nhận nợ cho bà C và để lại một sổ đỏ để làm tin. Bà H chỉ trả tiền lãi cho bà C được 2 tháng là 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng), sau không trả nữa, tiền gốc đến nay chưa trả

được đồng nào. Ngày 10/6/2013 bà H đã lấy lại sổ đỏ. Đến nay bà C khởi kiện yêu cầu bà H trả cho bà C tiền gốc là 150.000.000 đồng, nhất trí tính lại lãi suất theo quy định của Pháp luật, bà C rút yêu cầu về tiền lãi và đề nghị Tòa án buộc bà H phải chịu lãi suất chậm trả khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà thừa nhận nợ bà C số tiền 150.000.000 đồng như đại diện theo ủy quyền của bà C trình bày là đúng. Giấy vay tiền do bà C xuất trình đúng là chữ viết và chữ ký của bà. Nhưng thực tế bà C đưa tiền cho bà để bà cho người khác vay lãi, hàng tháng trả lãi cho bà C, việc trả lãi hàng tháng được ghi vào sổ do bà C giữ bà không có tài liệu gì về việc trả lãi cho bà C hàng tháng. Đến năm 2012 thì người vay của bà không có khả năng trả lãi nữa, bà đã nói với bà C về việc người vay không trả được lãi nữa. Bà nhất trí trả cho bà C tiền gốc 150.000.000 đồng nhưng hiện nay chưa có tiền khi nào đòi được nợ của những người bà cho vay thì mới có tiền trả cho bà C, về sổ đỏ ghi trong giấy vay tiền thực tế bà không đưa cho bà C nên bà không đề nghị gì.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc phát biểu quan điểm về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách của người tham gia tố tụng, thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và bảo đảm thời hạn chuẩn bị xét xử cũng như chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để làm rõ việc bà H trả lãi cho bà C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Nguyễn Thị C khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị H, các đương sự đều có địa chỉ tại xã T, huyện Y. Đây là tranh chấp đòi tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà C cho bà H vay tiền từ tháng 10/2011, thời hạn cho vay 01 tháng, gia hạn thêm 01 tháng, đến hạn trả nợ bà H không trả. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp kiện đòi tài sản phát sinh từ hợp đồng vay tài sản.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về áp dụng pháp luật giải quyết trong vụ án: Quan hệ vay tài sản giữa bà C và bà H, do bà H vi phạm thỏa thuận trả nợ, đến ngày 07 tháng 8 năm 2018 bà C

có đơn khởi kiện đến Tòa án. Vì vậy, pháp luật được áp dụng để giải quyết trong vụ án là Bộ luật Dân sự năm 2005.

[4] Về nội dung vụ án: Ngày 30/11/2011 bà Nguyễn Thị C cho bà Nguyễn Thị H vay số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, thời hạn cho vay 01 tháng phải trả nợ gốc, đến hạn trả nợ bà H xin gia hạn thêm 01 tháng. Sau khi vay tiền bà H đã trả cho bà C tiền lãi được 02 tháng số tiền là 9.000.000 đồng, sau đó không trả nữa, bà H có thông báo cho bà C biết về việc không trả được tiền lãi.

[5] Về lãi suất: Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn khẳng định bà H trả được 02 tháng tiền lãi với lãi suất thỏa thuận 3%/tháng của số tiền vay 150.000.000 đồng là 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng), bị đơn cho rằng đã trả lãi cho nguyên đơn nhiều tháng không chứng minh được số tiền lãi trả cho nguyên đơn và số lần trả là bao nhiêu tháng. Mặt khác bị đơn cũng thừa nhận nhận năm 2012 thì không trả được lãi nữa. Hội đồng xét xử thấy việc thỏa thuận và trả lãi 02 tháng với lãi suất 3%/tháng là không phù hợp. Theo quy định của Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm quy định lãi suất cơ bản là 9%/năm (0,75%/ tháng). Bà C và bà H tuy thỏa thuận về lãi suất nhưng vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định nên cần tính lại lãi suất của hai tháng trên. Số tiền lãi bà H phải trả cho bà C 02 tháng là $150.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\% \times 02 \text{ tháng} = 3.375.000 \text{ đồng}$. Số tiền lãi bà H đã trả 9.000.000 đồng - 3.375.000 đồng = 5.625.000 đồng sẽ được trừ vào tiền nợ gốc. Như vậy số tiền gốc bà H còn nợ bà C là $150.000.000 \text{ đồng} - 5.625.000 \text{ đồng} = 144.375.000 \text{ đồng}$. Vì vậy cần buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền gốc còn nợ 144.375.000 đồng, việc bà C tự nguyện rút yêu cầu về tiền lãi phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận. Bà H cho rằng số tiền bà C cho bà vay là tiền cùng nhau hùn vốn để cho người khác vay để hưởng lãi là không có căn cứ, bà H không có tài liệu nào chứng minh cho việc bà C góp vốn để cùng cho vay, như vậy việc bà H đề nghị khi nào đòi được tiền của những người vay của bà mới trả cho bà C là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí tương ứng với số tiền phải trả là $144.375.000 \text{ đồng} \times 5\% = 7.218.700 \text{ đồng}$. Do yêu cầu khởi kiện của bà C được chấp nhận toàn bộ nên bà C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 256, 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền nợ là 144.375.000 đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bà Nguyễn Thị C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị H không tự nguyện thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 7.218.700 đồng (Bảy triệu hai trăm mười tám nghìn bảy trăm đồng).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Sinh